

Họ và tên HS: .....  
Lớp : 1A...

### I. Học sinh tập chép: (6 điểm)

- n, t, ph, nh.
- iên, ân, ơn, ong
- căn dặn, giọt mưa, giàn gấc.
- trăng đêm thu thật tròn và sáng.

## II. Bài tập: (4 điểm)

**1. (1 điểm) Điền đúng **g** hoặc **gh****

bàn .....ế                      đàn .....à

**2. (1 điểm) Điền vào chỗ trống **sen** hoặc **sên****

- Đi chậm như .....
- Nhà dể mền bên đằm .....

**3. (2 điểm) Sắp xếp thành câu rồi viết lại:**

Mít / ăn / mật / rất / ngon.

A large grid of graph paper, 20 units wide and 10 units high. A bold border is drawn around the perimeter. A dashed horizontal line runs across the middle of the grid, 5 units from the top and bottom edges. This grid is intended for drawing a net of a cube.

Họ và tên HS: .....  
Lớp : 1A...

**I. Đọc thành tiếng. (6 điểm)**

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

**II. Đọc thầm bài văn và làm bài tập. (4 điểm) – (Thời gian làm bài: 15 phút)**

**Bài 1: Nối từ với hình vẽ cho phù hợp: (2 điểm)**



nấm rơm

nâng tạ

chuột nhắt

lật đật

**Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)**

**Nắng sớm và lá đỏ**

Khi muôn vật còn ngon giấc, nắng sớm đã đưa mắt ngắm trần gian. Nó ghé thăm bác bàng già nua, khắc khổ. Mùa thu sắp hết khiến bác buồn vì xa lá đỏ. Nắng đến bên bác, nhẹ nhàng vuốt ve lá đỏ: “Cố gắng lên nhé! Hẹn sang năm sẽ gặp lá đỏ”.

**Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.**

**Câu 1.** (0,5 điểm) Khi muôn vật còn ngon giấc, nắng sớm đã .....

- A. đưa tai ngấm trần gian.
- B. nhẹ nhàng vuốt ve lá đỏ.
- C. đưa mắt ngấm trần gian.

**Câu 2.** (0,5 điểm) Bác bằng như thế nào?

- A. Bác bằng già nua.
- B. Bác bằng già nua, khắc khổ.
- C. Bác bằng xanh tốt.

**Câu 3.** (0,5 điểm) Bác bằng buồn vì?

- A. Bác bằng buồn vì sắp xa lá đỏ
- B. Bác bằng buồn vì mùa thu chưa đến.
- C. Bác bằng buồn vì lá đỏ không yêu bác.

**Câu 4.** (0,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S

- A. Bác bằng hẹn sang năm sẽ gặp lá đỏ. ....
- B. Bác bằng hẹn sang ngày mai sẽ gặp lá đỏ. ....

## HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK HỌC KỲ I

Năm học 2022 - 2023

Môn Tiếng Việt

### a. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm):

#### I. Đọc thành tiếng ( 6 điểm)

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc, phát âm rõ các vần khó, cần phân biệt : 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu ( không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu ( tối thiểu 30 tiếng / phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ : 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

#### b. Đọc thầm và làm bài tập ( 4 điểm)

**Bài 1 (2 điểm):** Nối đúng mỗi hình được 0,5 điểm

**Bài 2 (2 điểm):**

**Câu 1:** Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: C)

**Câu 2:** Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: B)

**Câu 3:** Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: A)

**Câu 4:** Điền đúng được 0,25 điểm (A. Đúng, B. Sai)

### c. PHẦN KIỂM TRA VIẾT

#### I. Chính tả: 6 điểm

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ : 2 điểm
- Viết đúng chính tả ( không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định, sạch, đẹp : 1 điểm

#### II. Bài tập : 4 điểm

**1.(1 điểm)** Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

**2.(1 điểm)** Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

**3. (2 điểm)** Sắp xếp và viết đúng được 2 điểm

